

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14/6/2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Tử Diệc

Ông Lê Việt Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn, nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Võ Thị Tuyết H**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2021 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H và chị Võ Thị Tuyết H chung sống với nhau từ năm 1999, sau đó đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 333, quyển số 2, cấp ngày 26/12/2002 tại UBND xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm, lối sống, suy nghĩ cũng như sự đồng cảm về mặt tinh thần. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhiều lần vợ chồng anh đã ngồi lại với nhau cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Năm 2010 anh H và chị H đã ly thân, chị H đã bỏ nhà đi lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, không chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm chăm sóc con cái. Từ đó đến nay anh H cũng không liên lạc được với chị H. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Võ Thị Tuyết H.

Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là Nguyễn Văn Vũ L, sinh ngày 09/4/2000 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 03/11/2001. Hiện 02 con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Võ Thị Tuyết H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Tại phiên tòa, anh H trình bày anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Võ Thị Tuyết H vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đối với bị đơn vắng mặt không tham gia hoà giải, không có văn bản trình bày ý kiến là không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng quy định theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 147, 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, cho anh H được ly hôn với chị Võ Thị Tuyết H.

Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là Nguyễn Văn Vũ L, Nguyễn Thị Huỳnh N, cả 02 đã trưởng thành, anh H không yêu cầu xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn H nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị Tuyết H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn H và chị Võ Thị Tuyết H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 333, quyển số 2 ngày 26/12/2002 tại UBND xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của anh H: Anh H trình bày trong thời gian chung sống anh và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh H đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị H đã bỏ nhà đi từ năm 2010 đến nay, không liên lạc được. Anh H xác định không còn tình cảm với chị H, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ xem xét theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng chị H vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Quá trình xác minh tại địa phương xác nhận chị H đã bỏ địa phương đi thời gian đã lâu. Về mâu thuẫn vợ chồng thì giữa chị H và anh H có mâu thuẫn nên chị H mới bỏ nhà đi, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm rõ do anh H và chị H không có trình báo. Cả hai đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong quá trình ly thân anh H và chị H đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, Toà án đã triệu tập chị H nhiều lần nhưng chị H đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện chị H không còn tha thiết đến hạnh phúc gia

đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H với chị H.

[4] Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là là Nguyễn Văn Vũ L, sinh ngày 09/4/2000 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 03/11/2001. Hiện 02 con chung đã đủ 18 tuổi nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh H.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Võ Thị Tuyết H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006474 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh H đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã B: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Mai Ka